

Số: /TB-SGTVTXD

Lào Cai, ngày tháng năm 2021

### **CÔNG BỐ**

#### **Điều chỉnh giá một số vật liệu xây dựng quý III/2021 trên địa bàn tỉnh Lào Cai (thời điểm tháng 9/2021)**

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư 09/2019/TT-BXD hướng dẫn về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;

Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 29/9/2017 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa, vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2020/TT-BXD ngày 20/07/2020 của Bộ Xây dựng sửa đổi 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;

Căn cứ văn bản số 4524/UBND-QLĐT ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ văn bản số 1545/BXD-KTXD ngày 10/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện các giải pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 và biến động giá thép đến hoạt động xây dựng; văn bản số 1864/UBND-QLĐT ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thực hiện các giải pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 và biến động giá thép đến hoạt động xây dựng.

Căn cứ các quyết định điều chỉnh giá đối với các mặt hàng VLXD thường xuyên biến động của một số đơn vị cung ứng, sản xuất vật tư, vật liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai và một số tỉnh thành khác tại thời điểm tháng 9/2021 và ý kiến tham gia của Sở Tài chính tại văn bản số 2306/STC-QLG ngày 04/10/2021.

1. Sở Giao thông vận tải - Xây dựng Lào Cai công bố điều chỉnh giá một số vật liệu xây dựng có sự biến động về giá thời điểm tháng 9/2021 như sau:

*(có phụ biểu kèm theo)*

Giá vật liệu ban hành kèm theo công bố này được căn cứ vào Quyết định điều chỉnh giá của đơn vị cung ứng, sản xuất vật liệu xây dựng tại thời điểm công bố điều chỉnh giá; giá chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển đến hiện trường công trình.

Giá vật liệu xây dựng tại phụ lục điều chỉnh giá kèm theo công bố này là cơ sở để xác định tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Là căn cứ cho các cơ quan quản lý kiểm soát, lập dự toán và thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai, là căn cứ để chủ đầu tư xác định giá của vật liệu xây dựng vận chuyển đến công trình và tự chịu trách nhiệm về xác định giá đó.

2. Về việc đính chính thông tin trên công bố giá quý III/2021: Do sơ xuất trong quá trình nhập dữ liệu, Sở Giao thông vận tải-Xây dựng đính chính lại thông tin tại công bố giá số 316/CB-SGTVT XD ngày 01/9/2021 công bố giá VLXD quý III năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lào Cai như sau:

- Bỏ giá tại số thứ tự 1.205, cột thứ 5, trang số 20, phụ lục số II (Bồn Inox- bồn đứng).
- Sửa giá tại phụ lục số 4, số thứ tự 43, trang số 3 "*Vít bắt nẹp nhôm*" giá 250.000 đồng/cái thành 100 đồng/cái.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Giao thông vận tải - Xây dựng để tổng hợp giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Xây dựng; Bộ GTVT;
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc;
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc sở GTVT XD;
- Công TTĐT Sở GTVT XD;
- Lưu: VT, KTVL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Bùi Văn Tuấn**

**PHỤ LỤC I: NHÓM SẢN PHẨM VẬT TƯ XĂNG, DẦU CÁC LOẠI**  
(Công ty TNHH MTV xăng dầu Lào Cai)

(Ban hành kèm theo công bố số /TB-SGTVTXD ngày tháng năm 2021 của Sở Giao thông vận tải-Xây dựng Lào Cai)

Đơn vị tính: Đồng/lít

	<b>Giá xăng, dầu đã bao gồm thuế bảo vệ môi trường; chưa bao gồm thuế VAT</b> (Ghi chú: Thuế bảo vệ môi trường: Xăng RON 95 - IV: 4.000đ/lít; Xăng E5 Ron 92: 3.815đ/lít; Dầu Diezel 0,001S - V: 2.000đ/lít; Dầu Diezel 0,005s: 2.000đ/lít)			<b>Trên địa bàn tỉnh Lào Cai</b>
<b>I</b>	<b>Giá Xăng, Dầu áp dụng từ 15h00' ngày 10/9/2021 đến 14h59' ngày 25/9/2021</b>			
1	Xăng không chì RON 95 - IV	Lít		19.818
2	Xăng sinh học E5 Ron 92 - II	Lít		18.673
3	Dầu Diezel 0,001S - V	Lít		15.173
4	Dầu Diezel 0,05 S - II	Lít		14.855
<b>II</b>	<b>Giá Xăng, Dầu áp dụng từ 15h00' ngày 25/9/2021 đến khi có QĐ thay đổi giá mới</b>			
1	Xăng không chì RON 95 - IV	Lít		20.436
2	Xăng sinh học E5 Ron 92 - II	Lít		19.200
3	Dầu Diezel 0,001S - V	Lít		15.691
4	Dầu Diezel 0,05 S - II	Lít		15.373

**PHỤ LỤC II: NHÓM SẢN PHẨM NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX VÀ NHỰA ĐƯỜNG ĐÓNG PHUY SELL 60/70 SINGAPO CHÍNH HÃNG**

(Ban hành kèm theo công bố số /TB-SGTVTĐ ngày tháng 9 năm 2021 của Sở Giao thông vận tải-Xây dựng Lào Cai)

Đơn vị tính: Đồng/kg

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Tiêu chuẩn, kỹ thuật	Giá tại nơi sản xuất, cung ứng (Chưa có thuế VAT)
	<b>Sản phẩm nhựa đường Petrolimex</b>			Tại nhà máy kho Thương lý - Hải phòng Từ ngày 01/9/2021 đến khi có quyết định thay đổi giá mới
<b>I</b>	<b>Nhựa đường - Xá</b>			
1	Nhựa đường 60/70 - Xá	Kg	Xá	12.400
2	Nhựa đường phuy Nhũ tương CSS - 1, CRS - 1	Kg	Xá	11.900
3	Nhựa đường gốc xít 60% - Xá	Kg	Xá	12.300
4	Nhựa đường nhũ tương CRS - 2 - Xá	Kg	Xá	12.800
5	Nhựa đường polime PMB - 1 - Xá	Kg	Xá	17.700
6	Nhựa đường polime PMB - 3 - Xá	Kg	Xá	18.200
7	Nhựa đường lỏng MC 70 - Xá	Kg	Xá	17.500
<b>II</b>	<b>Nhựa đường - Phuy</b>			
9	Nhựa đường 60/70 - Phuy	Kg	Phuy	13.800
10	Nhựa đường Nhũ tương (CSS1; CRS1)	Kg	Phuy	13.400
11	Nhựa đường phuy CRS - 2 - Phuy	Kg	Phuy	14.300
12	Nhựa đường lỏng MC 70 - Phuy	Kg	Phuy	19.000